

UBND HUYỆN TUY PHƯỚC
TRUNG TÂM Y TẾ

Số: 230/TTYT-DTTB-VTYT
V/v mời chào giá các
máy móc, thiết bị y tế năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuy Phước, ngày 09 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất/ nhà cung cấp máy móc, thiết bị y tế.

Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu mua sắm máy móc, thiết bị y tế năm 2025 phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Tuy Phước. Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước trân trọng kính mời các hãng sản xuất/ nhà cung cấp máy móc, thiết bị y tế tại Việt Nam quan tâm gửi bản báo giá, catalogue và các tài liệu liên quan, với những nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước.

2. Thông tin liên hệ của người tiếp nhận báo giá: Bộ phận Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế/Văn thư của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước. SĐT: 02563.833.393, 02563.733.882.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế/Văn thư của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước. Địa chỉ: 66 Đào Tấn, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Có thể gửi trước qua Email: khoaduocTTYTtuyphuoc@gmail.com

Số điện thoại: 02563.833393 (Phòng văn thư), 02563.733882 (Khoa Dược – TTB – VTYT) hoặc 0905902820 (DS. Thiết).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 09h ngày 09 tháng 5 năm 2025 đến trước 17h ngày 20 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản
1	Máy gây mê kèm thở	Máy	01	Chi tiết tại phụ lục 01 đính kèm
2	Máy phá rung tim	Máy	01	Chi tiết tại phụ lục 02 đính kèm
3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	01	Chi tiết tại phụ lục 03 đính kèm
4	Máy phát điện công nghiệp 500KVA	Máy	01	Chi tiết tại phụ lục 04 đính kèm
Danh mục gồm 04 mặt hàng				

2. Nội dung chào giá: Bảng chào giá phải đầy đủ các thông tin theo mẫu: Phụ lục đính kèm công văn này.

Lưu ý:

- Giá hàng hóa trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển – lắp đặt, bàn giao hàng hóa tại nơi sử dụng và các chi phí khác có liên quan.

- Báo giá được đại diện hợp pháp của Công ty/ nhà cung cấp ký, ghi rõ tên, đóng dấu.

- **Cung cấp Catalogue, tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của máy.**

- Cung cấp giá trúng thầu của máy móc, thiết bị trong vòng 12 tháng kèm theo Quyết định trúng thầu hoặc đường link công khai kết quả trúng thầu (nếu có).

- Bảng chào giá phải ghi rõ: Ngày chào giá.

- Hiệu lực bảng chào giá: Tối thiểu 120 ngày.

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước.

4. Thời gian thực hiện dự kiến: Năm 2025 (Tùy theo Hợp đồng ký kết với nhà thầu theo Luật đấu thầu hiện hành).

5. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không

- Điều kiện thanh toán hợp đồng: Thanh toán 1 lần bằng chuyển khoản (Căn cứ điều khoản Hợp đồng ký kết).

Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước rất mong nhận được chào giá, các tài liệu liên quan của các Công ty/ nhà cung cấp và cảm ơn sự hợp tác của quý Công ty/ nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lãnh đạo TTYT;
- Lưu: VT, KD-TTB-VTTYT.



Dương Ngọc Hùng



Phụ lục: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 230/TTYT-DTTB-VTYT ngày 09/5/2025 của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước)

Tên Công ty/Đơn vị

Địa chỉ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm 2025

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của....[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá thiết bị y tế như sau:

Công ty/Đơn vị.....xin chào giá như sau:

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu, model	Cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật	Nước SX/ Hãng SX	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá VAT (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)*(8)
1								
2								
....								
	Tổng cộng							

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày ký (Tối thiểu 120 ngày).
- Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY/ĐƠN VỊ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu

PHỤ LỤC 01:
YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ

I. Yêu cầu chung:

- Mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau.
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.
- Nguồn điện sử dụng: 100 - 240 VAC, 50 - 60 Hz.
- Nhiệt độ làm việc: 5°C – 40°C, độ ẩm hoạt động: $\leq 80\%$

II. Cấu hình thiết bị:

- Máy chính: 01 máy
- Bình bốc hơi: 02 cái (1 bình Isoflurane và 1 bình Sevoflurane)
- Bình hấp thụ CO₂: ≥ 01 cái
- Chế độ giúp thở, đồng bộ với máy gây mê, màn hình màu ≥ 8 inch: 01 bộ
- Hệ thống xe đẩy có bánh xe và phanh hãm: 01 bộ
- Dây dẫn khí Oxy, khí nén và N₂O: 01 bộ
- Bộ đo và điều chỉnh lưu lượng khí kép cho 3 loại khí O₂, N₂O và khí nén: 01 bộ
- Bộ dây thở người lớn sử dụng nhiều lần: 01 bộ
- Bộ dây thở trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 bộ
- Mặt nạ người lớn sử dụng nhiều lần: 01 cái
- Mặt nạ trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 cái
- Bóng bóp người lớn 1 lít: 01 cái,
- Bóng bóp trẻ em 500ml: 01 cái
- Phổi giả để test máy 1 lít: 01 cái
- Bộ sưởi ẩm đường thở: 01 bộ
- Cảm biến oxy: 01 cái
- Pin: 01 cái
- Đèn đọc: 01 cái

III. Đặc tính kỹ thuật:

Đặc điểm kỹ thuật:

- Màn hình ≥ 8 inch, độ phân giải $\geq (800 \times 480)$ pixel
- Cấp khí O₂, N₂O, AIR
- Gắn bình bốc hơi: Thanh Selectatec thích hợp cho 2 bình
- Lưu lượng kế dạng cơ gồm 6 ống cho 3 khí
- Chế độ máy thở: VCV, PCV, PSV, SIMV, PRVC, Manual/Spont
- Thể tích dòng 5-1500ml trở lên
- Tần số 4-100bpm
- Tỷ lệ I:E (thời gian hít vào : thời gian thở ra): 4:1 - 1:10
- Điều chỉnh áp suất: (PEEP+5): - 70 cmH₂O

- Hỗ trợ áp suất: (PEEP+5): - 50 cmH₂O
- Áp lực dương cuối thì thở ra (PEEP): tắt, 3-30 cmH₂O
- Vòng lặp đo dung tích: P-V, P-F, F-V, Vòng lặp tham chiếu
- Pin lithium: Tiêu chuẩn ≥ 120 phút
- Đầu ra nguồn phụ: ≥ 3
- Ngăn kéo: ≥ 2
- Đèn đọc: Chiếu sáng bằng đèn
- Bộ gia nhiệt đường thở: tiêu chuẩn
- Cảm biến O₂

IV. Yêu cầu khác

- Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì tối thiểu 4 tháng 1 lần trong suốt thời gian bảo hành.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng việt + tiếng anh): 01 bộ
- Cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ), bản sao tờ khai hải quan, vận đơn, packing list.
- Lắp đặt thiết bị, đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho người sử dụng.
- Cam kết cung cấp vật tư, phụ kiện thay thế ≥ 10 năm.

PHỤ LỤC 02:
YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
MÁY PHÁ RUNG TIM

I. Yêu cầu chung:

- Năm sản xuất: từ năm 2024 trở đi
- Chất lượng: mới 100%
- Chứng chỉ chất lượng: ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương.

II. Yêu cầu cấu hình:

Máy chính với máy in nhiệt: 01 cái

Phụ kiện kèm theo:

- Dây nguồn chuẩn: 01 cái
- Điện cực sốc cầm tay cho người lớn và trẻ em: 01 bộ
- Cáp đo điện tim 5 kênh: 01 cái
- Điện cực tim, dùng 1 lần: 01 bộ (30 cái)
- Máy tạo nhịp ngoài tích hợp (Pacemaker): 01 máy
- Điện cực tạo nhịp, dùng 1 bệnh nhân: 10 cặp
- Pin sạc tích hợp
- Giấy in: 02 cuộn
- Gel bôi trơn: 02 chai
- Xe đẩy: 1 cái

III. Tính năng, thông số kỹ thuật:

- Tính năng:

- + Phương pháp: 02 pha
- + Máy phá rung tim (có tạo nhịp)

- Thông số kỹ thuật:

*** Chức năng khử rung**

- + Chế độ sốc: bằng tay, đồng bộ và tự động sốc ngoài (AED)
- + Năng lượng sốc ngoài: 2-360J
- + Năng lượng sốc trong: 1-50J
- + Phạm vi trở kháng: 15 đến 200 ohm
- + Tự động xả năng lượng nếu không sốc: ≤ 30 giây
- + Thời gian đồng bộ: ≤ 40 giây
- + Thời gian nạp: < 3 giây đến 200J và < 5 giây đến 300J
- + Chọn mức năng lượng sốc: trên tay cầm hoặc phím điều chỉnh ở mặt trước máy.

*** Chức năng tạo nhịp:**

- + Chế độ: cố định hoặc theo nhu cầu
- + Kiểu tạo nhịp: Không xâm nhập qua lồng ngực
- + Dạng xung tạo nhịp: phẳng, dòng cố định

- + Dòng ngõ ra: 0 đến 200mA
- + Tần số tạo nhịp: 30 đến 200 nhịp/phút
- + Dải trở kháng bệnh nhân: 0 đến 1000 ohms

*** Chức năng theo dõi ECG:**

- + Nguồn tín hiệu: Tắm điện cực tạo nhịp/ Bản sóc ngoài; Cấp 3, 5 và 10 đầu và Cấp ECG từ nguồn ngoài.
- + Số lượng chuyển đạo: 12 chuyển đạo đồng thời
- + Độ nhạy: 2,5, 5, 10, 20mm/mV và tự động
- + Tốc độ điện tim: 5, 10, 25, 50 mm/giây
- + Lọc nhiễu: High-pass, nguồn chính (main 50/60Hz) và điều chỉnh lọc nhiễu Low-pass.
- + Hiện thị dải nhịp tim: 15 đến 300 nhịp/ phút
- + Các cảnh báo: nhịp tim (HR), suy tim (Asystole), rung nhĩ (VF), rung thất (VT)
- + Bảo vệ khử rung: Tối đa 400J
- + Thời gian phục hồi: ≤ 3 giây

*** Màn hình:**

- + Kích thước: ≥ 7 inches

*** Nguồn cung cấp:**

- + Nguồn AC: 110 – 220 V; 50/60Hz
- + Ắc quy sạc trong máy: ≥ 5 giờ theo dõi liên tục; hoặc ≥ 150 lần sốc ở 200J.
- + Loại ắc quy: ≥ 2900 mAh
- + Thời gian sạc pin: ≤ 2 giờ cho việc sạc đầy

*** Máy in:**

- + Loại máy in: in nhiệt
- + Tốc độ in: 25, 50 mm/giây
- + Có tính năng tự động in
- + Số kênh in: 01 hoặc 03

*** Lưu trữ dữ liệu:**

- + Loại: Bộ nhớ trong
- + Lưu trữ dữ liệu: Điều kiện cảnh báo, các sự kiện, lần sử dụng
- + Dung lượng: ≥ 10.000 sự kiện
- + Xuất dữ liệu: USB hoặc tương đương
- + Phần mềm báo cáo: Trên máy tính, dữ liệu USB

IV. Yêu cầu khác:

- Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì tối thiểu 4 tháng 1 lần trong suốt thời gian bảo hành.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng việt + tiếng anh): 01 bộ

- Cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ), bản sao tờ khai hải quan, vận đơn, packing list.
- Lắp đặt thiết bị, đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho người sử dụng.
- Cam kết cung cấp vật tư, phụ kiện thay thế ≥ 10 năm.

PHỤ LỤC 03:
YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
MÁY SIÊU ÂM TỔNG QUÁT

I. Yêu cầu chung:

- Năm sản xuất: Từ 2024 trở về sau.
- Hàng hóa mới 100%.
- Nguồn điện sử dụng: $110/220V \pm 10\%$, 50/60Hz.
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng (máy chính): ISO 13485 và CE hoặc ISO 13485 và FDA.

II. Yêu cầu về cấu hình:

- Máy siêu âm màu dạng xe đẩy: 01 hệ thống
- Đầu dò Convex: 01 cái
- Đầu dò Linear: 01 cái
- Đầu dò tim (Sector): 01 cái
- Phần mềm siêu âm Doppler liên tục
- Phần mềm Doppler mô cơ tim
- Phần mềm đàn hồi mô định lượng
- Phần mềm tự động đo độ dày lớp nội trung mạc
- Phần mềm DICOM
- Phần mềm kéo dài trường nhìn
- Phần mềm tạo báo cáo
- Phần mềm tự động Doppler
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh/tiếng Việt : 01 bộ
- Bộ máy tính kèm phần mềm trả kết quả siêu âm: 01 bộ
- Máy in màu: 01 cái
- UPS 1 KV online: 01 bộ
- Máy in nhiệt trắng đen: 01 cái

III. Thông số kỹ thuật

1. Thông số đầu dò:

a. Đầu dò Convex:

- + Ứng dụng khám: Bụng mạch máu sản/phụ khoa tiết niệu.
- + Băng Thông: $\leq 1 - \geq 6$ MHz
- + Số chấn tử: ≥ 192
- + Bán kính convex: ≥ 55 mmR
- + FOV: $\geq 70^\circ$

b. Đầu dò Linear:

- + Ứng dụng: Khám phần nhỏ, mạch máu, nhi khoa, sơ sinh, bụng.
- + Băng Thông: $\leq 5 - \geq 11$ MHz

+ Số chân tử: ≥ 128

+ FOV: ≥ 38 mm

c. Đầu dò tim (Sector):

+ Ứng dụng: Khám tim, xuyên sọ, bụng.

+ Băng Thông: $\leq 1 - \geq 50$ MHz

+ Số chân tử: ≥ 64

+ FOV: $\geq 120^\circ$

2. Yêu cầu về cấu tạo, điều khiển, hiển thị:

- Máy chính thiết kế dạng xe đẩy

- Màn hình LED LCD ≥ 23 inches

- Màn hình điều khiển cảm ứng ≥ 10 inches

- Bộ nhớ ảnh trên ổ cứng: ≥ 345 GB

- Bộ nhớ CINE: ≥ 775 MB

- Số cổng đầu dò hoạt động: ≥ 04

- TGC và bàn phím ký tự : dạng số hóa điều khiển

- Số cổng kết nối USB : ≥ 7 cổng

- Kênh xử lý: ≥ 386.000

- Tốc độ khung hình: tối đa ≥ 3220 Frame/s

- Có thể điều chỉnh dải động: ≥ 400 dB

- Dải tần số: $\leq 2 - \geq 22$ MHz

- Độ sâu thăm khám: ≤ 0 cm - ≥ 48 cm

- Đảo ảnh: Trái/phải

- Xoay ảnh: $0^\circ, 90^\circ, 180^\circ, 270^\circ$

3. Yêu cầu về các phương pháp, cơ chế hoạt động:

a. Phương pháp quét:

- Convex điện tử

- Linear điện tử

- Sector điện tử

b. Các mode hoạt động:

- B-mode

- Coded Harmonic Imaging (hình ảnh hòa âm mô có mã hóa)

- M-mode

- Mode dòng chảy màu

- Mode Doppler năng lượng với bản đồ định hướng

- Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao (PWD with high PRF)

- Mode M dòng chảy màu

- Mode M giải phẫu và Mode M giải phẫu màu

- Doppler liên tục

c. Các mode hiển thị:

- Khả năng hiển thị đồng thời bao gồm:
 - + Dual B (B/B)
 - + B/CFM hoặc PDI
 - + B/PW
 - + B + CFM/M
 - + Real-time Triplex Mode (B + CFM hoặc PDI/PW hoặc CW)
 - + B/M
- Hiển thị nhiều hình (chia bốn hình)
- Hình động và/hoặc hình tĩnh
- Chiếu lại hình CINE độc lập

4. Yêu cầu về ứng dụng, phần mềm:

- Hỗ trợ tối ưu hóa và xử lý hình ảnh
- Tự động tối ưu hóa hình ảnh
- Tự động tính toán phổ Doppler thời gian thực
- Kỹ thuật xử lý và phân tích dữ liệu thô
- Chức năng mở rộng góc quét ảo
- Khả năng kết nối DICOM 3.0

5. Yêu cầu về quản lý dữ liệu và khả năng kết nối

- Xuất dữ liệu: JPEG JPEG2000, WMV, MPEG 4, AVI
- Có thể lưu nhanh ảnh vào USB
- Có kết nối DICOM 3.0 tích hợp sẵn
- Có cổng HDMI out
- Có thể kết nối mạng Ethernet (RJ45)
- Có cổng Audio out

IV. Các yêu cầu khác

- Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì tối thiểu 4 tháng 1 lần trong suốt thời gian bảo hành.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng việt + tiếng anh): 01 bộ
- Cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ), bản sao tờ khai hải quan, vận đơn, packing list.
- Lắp đặt thiết bị, đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho người sử dụng.
- Cam kết cung cấp vật tư, phụ kiện thay thế ≥ 10 năm.

PHỤ LỤC 04:
YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
MÁY PHÁT ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

I. Yêu cầu chung:

- Năm sản xuất: Từ 2024 trở về sau.
- Hàng hóa mới 100%.

II. Yêu cầu về cấu hình:

A. Tổ máy phát điện: 01 bộ

Bao gồm:

- Động cơ: 01 cái
- Đầu phát điện: 01 cái
- Bộ điều khiển: 01 bộ

B. Tủ chuyển nguồn tự động: 01 bộ

III. Thông số kỹ thuật

A. Tổ máy phát điện

1. Thông số chung:

- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001
- Công suất liên tục: ≥ 500 kVA
- Công suất dự phòng: ≥ 500 kVA
- Số pha: 3 pha
- Điện áp: 400V/230V
- Tần số: 50 Hz
- Hệ số công suất: $\geq 0,8$
- Tiêu thụ nhiên liệu: ≤ 85 L/h (khi mức tải là 75%).

2. Thông số động cơ:

- Số xi lanh: ≥ 10 xi lanh.
- Nhiên liệu sử dụng: Dầu Diesel.
- Hệ thống làm mát: Kết nước và Quạt gió.

3. Thông số đầu phát điện:

- Kiểu đầu phát: Từ trường quay, không chổi than.
- Bộ kích từ: Tự kích thích (Self-Excited).
- Bộ điều chỉnh điện áp: Tự động AVR.
- Cấp cách điện: H trở lên.
- Cấp bảo vệ cơ học: IP23 trở lên.

4. Thông số bộ điều khiển:

- Màn hình LCD kỹ thuật số hiển thị các thông số: Điện áp, Dòng điện, Tần số, Tốc độ động cơ, Nhiệt độ nước làm mát, Áp suất dầu, Mức nhiên liệu, giờ chạy máy....

- Chế độ điều khiển: Vận hành bằng tay, tự động, tắt, bật, khởi động lại (Reset).
- Cảnh báo và bảo vệ các thông số:
 - + Quá tải, Quá áp/ thấp áp, Quá tốc độ/ thấp tốc độ.
 - + Nhiệt độ nước làm mát cao.
 - + Ngắn mạch, dòng điện quá tải, lỗi sạc, lỗi khởi động.

B. Tủ chuyển nguồn tự động:

- Điện áp: 400V/230V
- Tần số: 50 Hz
- Số pha: 3 pha
- Dòng định mức: $\geq 800A$
- Đồng bộ (tương thích) cùng máy phát điện.

III. Yêu cầu khác:

- Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì tối thiểu 4 tháng 1 lần trong suốt thời gian bảo hành.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng việt + tiếng anh): 01 bộ
- Cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ), bản sao tờ khai hải quan, vận đơn, packing list (nếu có).
- Lắp đặt thiết bị, đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho người sử dụng.
 - Cam kết cung cấp vật tư, phụ kiện thay thế ≥ 10 năm.